

SƠ LƯỢC VỀ NGHIÊN CỨU ĐẠO GIÁO Ở VIỆT NAM

TRẦN ANH ĐÀO^(*)

H iện nay, Đạo giáo tuy không còn tồn tại ở Việt Nam với tư cách một tôn giáo độc lập, nhưng dấu ấn của nó vẫn còn khá đậm nét trong đời sống xã hội nói chung và đời sống tín ngưỡng của nhân dân nói riêng. Đạo giáo vẫn là một đối tượng được quan tâm nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau như tôn giáo học, văn hóa học, triết học, sử học, khảo cổ học, văn học nghệ thuật, v.v... Các phương pháp tiếp cận và kết quả nghiên cứu tuy đa dạng nhưng còn khá chung chung. Tuy nhiên, việc khảo cứu về những thành quả nghiên cứu đầu tiên còn ít đó sẽ góp phần định vị lại vai trò cần thiết của lĩnh vực nghiên cứu mang tính đặc thù này trong ngành tôn giáo học ở Việt Nam. Đây là một công việc hết sức khó khăn nhưng cần thiết cho người nghiên cứu Đạo giáo. Trong khả năng có thể và vẫn còn nhiều tư liệu chưa có điều kiện tiếp cận, chúng tôi tạm phân các nội dung nghiên cứu về Đạo giáo ở Việt Nam vào một số nhóm sau đây:

1. Nhận diện lại đối tượng nghiên cứu: “Đạo giáo Việt Nam” hay “Đạo giáo ở Việt Nam”

Đạo giáo được truyền vào Việt Nam ngay từ khi nó mới hình thành thời kì Đông Hán, vào thời kì Lý - Trần từng

phát triển thành một tôn giáo độc lập, có tổ chức, kinh sách, đạo quán và tín đồ, rồi nhanh chóng suy yếu đi và hòa quyện vào dòng tín ngưỡng trong dân gian, tạo thành một số hình thái tôn giáo bản địa và có ảnh hưởng sâu sắc đối với đời sống tín ngưỡng tôn giáo của nước ta cho đến nay. Không phải ngẫu nhiên khi gần đây một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về lĩnh vực văn hoá, tôn giáo của Việt Nam vẫn luôn dành phần quan trọng bàn về Đạo giáo, coi nó như một thành tố tương đối quan trọng trong đời sống tôn giáo đương đại⁽¹⁾.

Ngay từ ba thập niên đầu thế kỉ XX, Đạo giáo đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Việt Nam như Phan Kế Bính (1915), Trần Trọng Kim (1923), Đào Duy Anh (1938), v.v... và một số học giả người Pháp. Nghiên cứu của họ chịu ảnh hưởng của trào lưu khoa học xã hội Phương Tây khá phát triển vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, đã góp phần thay đổi nhận thức của xã hội Việt Nam về chính mình, trong đó

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo

1. Tham khảo: Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Lí luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2001, tr.291-296; Phan Ngọc. *Bản sắc văn hoá Việt Nam*. Nxb Văn học. Hà Nội 2002, tr.326-368.

có lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng. Bên cạnh sự ghi chép mô tả, các tác giả bàn nhiều về mối quan hệ giữa Đạo giáo với các hiện tượng tín ngưỡng dân gian đang phục hồi và phát triển lúc bấy giờ. Công việc đó diễn ra không muộn hơn so với việc các học giả Trung Quốc nghiên cứu Đạo giáo là mấy. Năm 1910, Lưu Sư Bồi bắt đầu nghiên cứu *Đạo tạng* và kết quả là bài nghiên cứu *Độc Đạo tạng kí* (道藏) ra đời và ông được coi như tổ sư của ngành nghiên cứu Đạo giáo Trung Quốc. Sau đó, Hứa Địa Sơn, Phó Cần Gia, Trần Hằng liên tục có bài nghiên cứu về Đạo giáo với tư cách là một tôn giáo truyền thống của Trung Quốc. Với họ, rõ ràng mọi việc thuận lợi hơn nhiều khi xét về phương diện lí thuyết và thực tiễn, Đạo giáo là một tôn giáo (religion) hội đủ các yếu tố *nghi thức (rituals), hệ thống tín ngưỡng (beliefs), giáo sĩ (priests), kinh điển (scriptures) và tổ chức (institution)*, hơn nữa là tôn giáo bản địa Trung Quốc (có ý kiến cho là tôn giáo dân tộc)⁽²⁾. Ở một mức độ nào đấy, nó đại diện cho tâm thức tôn giáo của người Trung Quốc. Giáo sĩ Alexander de Rhodes trong *Hành trình và truyền giáo* đến nước ta vào giữa thế kỉ XVII thấy Việt Nam “cũng có ba tôn giáo giống như ở Trung Quốc”, và có những “thầy phù thủy” hoạt động trong dân gian⁽³⁾, có thể coi là một trong những ghi chép sớm nhất của người nước ngoài về Đạo giáo ở nước ta.

Cho dù bắt đầu từ thời điểm nào, việc nghiên cứu Đạo giáo ở Việt Nam rõ ràng là hết sức khó khăn: Đạo giáo không còn là một tôn giáo độc lập. Nguồn tư liệu hết sức hạn chế và tản mát. Hơn nữa, trong xu hướng đã và

đang bị *biến thể* dưới nhiều hình thái tín ngưỡng tôn giáo, hoặc là được các tôn giáo khác tiếp nhận, thao tác đầu tiên là cần phải nhận diện một cách đích xác nó trong hệ thống tín ngưỡng tôn giáo đa dạng của Việt Nam. Rõ ràng, việc *giới định Đạo giáo* ở Việt Nam là vấn đề cần thiết nhưng lại chưa ai đặt ra. Càng không thể tiến hành theo theo tiêu chí Đạo giáo của Trung Quốc⁽⁴⁾. Trần Văn Giàu nhận xét: “Ở Việt Nam, người theo đạo Nho ý thức rằng mình là Nho gia mà vị thầy là Khổng Tử, người Phương Bắc; Người theo đạo Phật biết rằng mình là Phật tử mà vị thầy là Thích-ca-mu-ni, người nước Thiên Trúc. Còn Đạo giáo thì phức tạp nhất; những người thờ Ngọc Hoàng, thờ Quan Công, thờ Tam Phủ, thờ Đức Thánh Trần, tin pháp sư, đồng bóng, đeo bùa, đọc chú, v.v... nói chung chẳng mấy ai biết rằng mình theo một màu Đạo giáo. Đạo giáo phức tạp lắm. Ngay cái gọi là “Đạo giáo” ở Việt Nam đã có nhiều màu sắc, nhiều chi phái lắm khi rất khác nhau, xa cách nhau; màu sắc đáng chú ý nhất là màu sắc bản địa, nảy sinh trong nước dù có ít hay nhiều ảnh hưởng của Đạo giáo Bắc Phương, đó là “Nội đạo” trong thời phong kiến độc lập gần đây”⁽⁵⁾.

2. Trong 6 tôn giáo chính thức của Trung Quốc bao gồm Phật giáo, Ixlam giáo (Hồi giáo), Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo, Đông Chính giáo và Đạo giáo, Đạo giáo là tôn giáo được công nhận muộn nhất (1957).

3. Alexander de Rhodes. *Hành trình và truyền giáo* (Bản dịch của Hồng Huệ). Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 66.

4. Tham khảo: Nhiệm Kế Dũ (chủ biên). *Tôn giáo đại từ điển*, từ điều *Đạo giáo*. Thương vụ ấn thư quán Thượng Hải, 1998, tr.166-168.

5. Trần Văn Giàu. *Sự phát triển tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng Tháng Tám. Tập 1: Ý thức hệ phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1996, tr.447.

Như vậy, vấn đề đặt ra là có một Đạo giáo Trung Quốc được bản địa hóa ở Việt Nam và phải chăng “Nội đạo” ở đây có nội hàm rộng hơn cả *Nội Đạo* tràn xuất hiện thời Hậu Lê. Trần Văn Giàu dẫn ý kiến của K. Coulet trong sách *Thờ phụng và tôn giáo của xứ Đông Dương An Nam (Cultes et religions de l'Indochine Annamite)*: “...nếu như anh hỏi một người Việt Nam vậy y có phải là tín đồ Đạo giáo không, thì người ấy thường chẳng biết gì hết, hỏi y có biết Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, biết 12 thiên tướng không, thì y sẽ lật đật trả lời cho anh rằng: “Biết chớ!”. Người Việt Nam theo Đạo giáo mà không biết rằng đó là Đạo giáo”. Và ông lí giải: “Vì tư tưởng tín ngưỡng Đạo giáo mà chúng ta kể trên không phải hoàn toàn, cũng không phải nhập cảng từ nước ngoài mà sẵn có từng phần lớn trong nhân dân Việt Nam từ nguyên thủy và cả quá trình lịch sử; người Việt Nam chưa có lúc nào chế tạo một cái tên chung để đặt cho loại tư tưởng tín ngưỡng đó, duy những người nghiên cứu nhận thấy tư tưởng tín ngưỡng đó cùng bản chất với Đạo giáo nên xếp vào một loại vậy thôi”⁽⁶⁾. Nhận định của Phan Ngọc cũng tương tự: “Đạo giáo Trung Quốc khi vào Việt Nam đã gặp tín ngưỡng dân gian có mặt từ lâu, tạo nên hiện tượng thay đổi về hình thức tín ngưỡng (hay còn gọi là Đạo giáo hóa tín ngưỡng bản địa), còn nội dung không thay đổi bao nhiêu”⁽⁷⁾.

Trường hợp của Việt Nam cũng giống như Nhật Bản và Hàn Quốc, “vì một số nội dung Đạo giáo lưu truyền trong dân gian (Nhật Bản và Hàn Quốc - TAD) có lẽ không phải bắt nguồn từ Đạo giáo mà

chỉ là từ sự sùng bái dân gian Trung Quốc”⁽⁸⁾. Giới nghiên cứu Triều Tiên cũng phát hiện ra thần thoại và tín ngưỡng Thần đạo⁽⁹⁾ của họ có nhiều chỗ giống với thế giới thần tiên và tư tưởng Đạo giáo. Một số nội dung tín ngưỡng và thực tiễn Đạo giáo có thể khởi nguồn ngay trong văn hóa bản địa⁽¹⁰⁾.

Chúng ta dễ dàng bắt gặp một tinh thần “đa nguyên tôn giáo” không chỉ ở đối tượng nghiên cứu mà còn ở cả những người nghiên cứu, và sự thể hiện nội hàm của Đạo giáo ở Việt Nam là hết sức phong phú đa dạng, luôn được tiếp cận đa chiều và không ngại tranh luận trao đổi⁽¹¹⁾. Hiện nay, có thể thấy các nhà nghiên cứu đang thảo luận trực tiếp đến các vấn đề như phân biệt “Đạo gia” và “Đạo giáo”, “Đạo giáo Việt Nam” hay “Đạo giáo ở Việt Nam”, hoặc “tín ngưỡng thờ Mẫu là Đạo giáo Việt Nam biến thể”, v.v... Chung quy là góp phần nhận diện, giới định và nêu ra đặc trưng cơ bản cho *Đạo giáo Việt Nam*, kế thừa và tiếp tục nghiên cứu những giá trị của nó trong lịch sử, hiện tại và tương lai.

2. Nghiên cứu lịch sử Đạo giáo Việt Nam và quan hệ Đạo giáo Việt Nam - Trung Quốc

6. Trần Văn Giàu. Sđd, tr.459.

7. Phan Ngọc. *Bản sắc văn hoá Việt Nam*. Nxb Văn học. Hà Nội 2002, tr.326.

8. Anna Seidel. *Sử biên niên nghiên cứu Đạo giáo của Phương Tây (1950-1990)*. (Bản Trung văn) Trung Hoa thư cục. Bắc Kinh 2002. Nguyên bản tiếng Anh: *Chronicle of Taoism Studies in the West 1950-1990*, tr. 110.

9. Thuật ngữ “Thần đạo” ở đây hoàn toàn khác với Thần đạo (Shinto) của Nhật Bản.

10. Song Hang-Nyong (Tống Hằng Long). *Lịch sử Đạo giáo Triều Tiên*. Tạp chí *Triều Tiên*, ngày 26/5/1986, tr. 13-18 (Bản dịch Trung văn).

11. Xem thêm: Nguyễn Đăng Duy. *Các hình thái tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam*. Nxb Văn hoá Thông tin. Hà Nội 2001.

Cho đến nay, chúng ta vẫn phải chờ đợi một công trình nghiên cứu đầy đủ hơn về quá trình truyền bá, phát triển, suy yếu và biến thể của Đạo giáo ở Việt Nam.

Đầu thế kỉ XX, Trần Trọng Kim và Đào Duy Anh tuy có bàn về Đạo giáo, nhưng không đơn thuần là lịch sử Đạo giáo Việt Nam, mà chủ yếu là tổng thuật lại hệ tư tưởng Đạo gia truyền thống của Trung Hoa⁽¹²⁾. Nhất Thanh với loạt bài *Tín ngưỡng Đạo giáo ở Việt Nam* đăng nhiều kì trên Tạp chí *Phương Đông* (Sài Gòn) trước năm 1975 cũng mở đầu bài viết của mình bằng câu: “Đạo giáo truyền vào nước ta không rõ tự bao giờ, và tuyệt nhiên không có sách vở nào chép về lịch sử Đạo giáo ở nước ta từ xưa đến nay, cũng như không có bằng chứng gì cho ta thấy ở nước ta có trước người Tàu một học thuyết, một tôn giáo như đạo Lão, tuy ngay từ thời Hùng Vương thứ ba, ta đã có truyện tiên”. Tác giả chỉ bàn nhiều về những biểu hiện trực tiếp của tín ngưỡng Đạo giáo ở Việt Nam⁽¹³⁾.

Đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX, cùng với sự phát triển của bộ môn tôn giáo học, việc nghiên cứu về Đạo giáo ở Việt Nam cũng được chú trọng hơn. Năm 1997, sau chuyến đi thực tế ngắn ngủi ở Việt Nam, chuyên gia Đạo giáo học Trung Quốc Vương Khả đã có bài *Báo cáo sơ lược về Đạo giáo ở Việt Nam* (越南访道研究报告) đăng trên Tạp chí *Đạo giáo Trung Quốc* số 2 và số 3 năm 1998. Bài viết này sau được dịch ra tiếng Việt⁽¹⁴⁾. Nó được coi như một bài nghiên cứu tiêu biểu về Đạo giáo Việt Nam từ khi được du nhập (thời kì Đông Hán) cho đến triều Nguyễn. Phần trình

bày về *Lịch sử truyền bá Đạo giáo vào Việt Nam*, tác giả sử dụng tư liệu từ *Tam Quốc chí - Sĩ Nhiếp truyện*, *Đổng Phụng truyện* thuộc *Thần tiên truyện* (của Cát Hồng), *Mâu Tử - Tự truyện*, *Tấn thư* (*Cát Hồng truyện*, *Đỗ Tuệ Độ truyện*), *Địa chí*, *Thủy Kinh chú*, *Tư Trị thông giám - Tấn kí*, *Giao Châu Bát Huyện kí* và hai công trình quan trọng của người Việt Nam là *Đại Việt Sử kí Toàn thư*, *Lĩnh Nam trích quái*. Bấy nhiêu thôi cũng đủ để phác lược một bức tranh Đạo giáo tương đối sống động ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. Thông tin về *Đạo giáo các thời kì Đinh, Lê, Lý, Trần* chủ yếu khai thác từ *Đại Việt Sử kí Toàn thư* (dưới đây gọi tắt là *Toàn thư*) và nội dung bài kí ghi trên tấm bia *Bạch Hạc Thông Thánh quán*. Còn đến các thời Lê, Nguyễn, có lẽ do hạn chế về mặt tư liệu nên tác giả không bàn được nhiều. Bản thân tác giả là chuyên gia nghiên cứu Đạo giáo theo lối “kinh viện”, tức là quan sát Đạo giáo ở Việt Nam một cách “trực tuyến” từ nhãn quan của Đạo giáo Trung Quốc, nhất là Đạo giáo kinh điển, vậy nên hướng tiếp cận nghiên cứu này chưa được Nguyễn Duy Hình đồng tình⁽¹⁵⁾. Điều này là khó tránh khỏi, vì phương

12. Xem thêm: Trần Trọng Kim. *Đạo giáo*. Tạp chí *Nam Phong*, các số 67,68,74,75, năm 1923; Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb Đông Tháp, 1998.

13. Nhất Thanh. *Tín ngưỡng Đạo giáo*. Tạp chí *Phương Đông*, số 21, năm 1973, tr.178.

14. Vương Khả. *Báo cáo sơ lược về Đạo giáo ở Việt Nam* (越南访道研究报告). Tạp chí *Đạo giáo Trung Quốc*, số 2 và 3 năm 1998; Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 2 (66), năm 1999, tr.76-88; Đại học Sư phạm Hà Nội. *Đạo gia và văn hóa*. Hà Nội 2000, tr.351-381.

15. Xem thêm: Nguyễn Duy Hình. *Vài ý kiến về Đạo giáo Việt Nam* (Đề tài Khoa học cấp Viện năm 1999). Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

pháp nghiên cứu nổi trội của Vương Khả về Đạo giáo là khảo cứu tư liệu lịch sử (chủ yếu là *Toàn thư*), thông qua khảo sát thực địa một cách sơ lược ở Việt Nam, tiến hành nghiên cứu so sánh những biểu hiện của Đạo giáo bản địa với Đạo giáo Trung Quốc, nhưng “sắc thái Đạo giáo ở nước ta (Việt Nam - TAD) hoàn toàn không giống với Đạo giáo Trung Quốc”⁽¹⁶⁾.

Nguyễn Duy Hinh đã lí giải những sắc thái đó trong cuốn *Người Việt Nam với Đạo giáo*, và cũng lí giải luôn tại sao chúng ta vẫn chưa có được một bộ sách về Đạo giáo Việt Nam như mong ước của ông. Tác giả đã dành nhiều công sức và tâm huyết để kê cứu những sự kiện và tư liệu có liên quan đến lịch sử Đạo giáo ở Việt Nam. Dấu ấn cá nhân trong công trình này là rất lớn. Ông cho rằng *tiền Đạo giáo* với hình thức *Tiên đạo* được truyền vào Việt Nam trước cả thời kì Đạo giáo Trung Quốc hình thành, vì những dấu ấn tín ngưỡng An Kỳ Sinh, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Chủ Động Tử, v.v... Do vậy, tư tưởng Tiên đạo ảnh hưởng sâu đậm đến mọi tầng lớp trong xã hội, suốt từ cổ chí kim. Đạo giáo sĩ tộc, nhất là đan đỉnh, chưa bao giờ hưng thịnh như ở Trung Quốc cho dù có thờ Lã Động Tân. Càng về sau, Đạo giáo càng đậm chất dân gian⁽¹⁷⁾. Phải nói rằng, chất dân gian là nhân tố không thể tách rời của Đạo giáo. Đạo giáo sơ kì xuất hiện với bộ mặt của tôn giáo dân gian, như Ngũ Đẩu Mễ đạo, Thái Bình đạo, “trải qua hai nghìn năm lịch sử, Đạo giáo đi từ dân gian lên chính thống, rồi lại đi từ chính thống xuống dân gian”⁽¹⁸⁾. Ý nghĩa dân gian hay chính thống ở đây có thể bao hàm

cả tính quan phương hay phi quan phương mà mỗi tôn giáo có được trong từng hoàn cảnh lịch sử nhất định. Có thể thấy, Đạo giáo Việt Nam tựa hồ cũng hồi ứng với những thăng trầm thịnh suy của Đạo giáo Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu lịch sử Đạo giáo Việt Nam đã phần nào chứng minh điều đó.

Nhìn lại lịch sử, Đạo giáo sơ kì ở Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với tình hình chính trị xã hội rối ren ở phía nam Trung Quốc đương thời, nhất là hoạt động nổi loạn của các tập đoàn Đạo giáo. Chúng ta cũng bàn nhiều đến sự kiện mà sử sách đã ghi về việc Tôn Quyền sai Chu Trị - Thái thú Cửu Chân đi “đẹp giặc Hoàng Cân ở Giao Chỉ”. Hay sự kiện dư đảng của Ngũ Đẩu Mễ đạo là Lư Tuần thua trận chạy nạn xuống Giao Chỉ và được Lý Thoát người Việt giúp đỡ để tấn công Long Biên. Lý Thoát và người dân tộc thiểu số giúp đỡ Lư Tuần vì họ là tín đồ của Đạo giáo⁽¹⁹⁾. Murakami Yoshimi cũng từng khảo cứu sự kiện này một cách kĩ lưỡng trong bài viết về *Cuộc nổi loạn của Tôn Ân và Lư Tuần* (bản tiếng Nhật), ngoài ra còn bản tiếng Anh có tên là *Local Cults around Mount Lu at the time of Sun En's rebellion (Tín ngưỡng địa phương vùng phụ cận Lô Sơn thời kì khởi nghĩa Tôn Ân)*. Trong đó, tác giả khảo bối cảnh xã hội đương thời, về thân thế của Tôn Ân, Lư Tuần,

16. Nguyễn Duy Hinh. *Người Việt Nam với Đạo giáo*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.7.

17. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, tr.352.

18. Mã Tây Sa. *Lịch sử tôn giáo dân gian Trung Quốc*. Thượng Hải Nhân Dân xuất bản xã, phần Lời tựa.

19. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, tr.352.

về mối quan hệ của họ với giới quý tộc địa phương, đặc biệt là mối quan hệ của họ với Giao Chỉ, v.v...⁽²⁰⁾. Đó là những nghiên cứu có ích cho việc khảo cứu về Đạo giáo sơ kỳ ở Việt Nam, cũng như mối quan hệ của Đạo giáo vùng dân tộc thiểu số phía nam Trung Quốc với Đạo giáo ở Việt Nam.

Có ý kiến cho rằng, Đạo giáo du nhập vào Việt Nam cùng với chính sách áp đặt chế độ phong kiến đô hộ của Phương Bắc⁽²¹⁾. Nhưng ta cần xem xét một cách khách quan hơn về vấn đề này, như thủ đấng từ góc độ động cơ truyền đạo chẳng hạn. Theo nghiên cứu của Anna Seidel, đặc điểm của hoạt động Đạo giáo là “chưa bao giờ tỏ thái độ truyền giáo ra những vùng không thuộc văn hóa Trung Quốc”⁽²²⁾. Đạo giáo chỉ thông qua những hình thức nào đó để truyền bá ra các khu vực lân cận như Trung Á, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản, Campuchia, mà phần lớn là theo con đường di cư ra nước ngoài của người Hoa. Đương nhiên, chúng ta đều biết một số hoạt động Đạo giáo diễn ra ban đầu (khoảng thế kỉ III trở đi) thường liên quan mật thiết đến một số vị quan lại người Hán yêu thích tiên thuật, hoặc là có “vân du” (theo như truyền thuyết) của Đạo sĩ Trung Quốc đến Việt Nam như trường hợp An Kỳ Sinh, Đổng Phụng, Cát Hồng, v.v... Việt Nam lúc bấy giờ đặt dưới ách cai trị của Trung Quốc với tên gọi Giao Chỉ hoặc Giao Châu, có “Trương Tân, là thứ sử Giao Châu nhậm chức năm Kiến An thứ 6 (năm 211) thích việc quỷ thần, thường đội khăn đỏ, gảy đàn đốt hương, đọc sách Đạo giáo, nói rằng có thể giúp việc giáo hóa”⁽²³⁾; “Sĩ Nhiếp lâm bệnh

chết đã ba ngày, tiên nhân Đổng Phụng cho một viên thuốc, cho uống cùng với nước,... sau nửa ngày có thể ngồi dậy và sau bốn ngày có thể nói được và trở lại bình thường”⁽²⁴⁾. Sự kiện này được *Toàn thư* dẫn từ *Tam Quốc chí, Sĩ Nhiếp truyện* của Trung Quốc.

Chỉ với thông tin dẫn từ *Tấn thư*: “Nghe nói Giao Chỉ có đan sa, xin đến làm huyện lệnh Câu Lộ” (闻交趾出丹, 求为勾漏令), nhiều bài nghiên cứu của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa ngã ngũ sự kiện Cát Hồng đã từng tới Việt Nam hay chưa⁽²⁵⁾. Mấy năm gần đây, một số chuyên gia Đạo giáo Trung Quốc tiếp tục khảo cứu thêm sự kiện này và cung cấp nhiều tư liệu có giá trị. Phùng Hán Dung có bài *Khảo cứu về việc Cát Hồng từng đến Đông Dương* (葛洪曾去印支考)⁽²⁶⁾; Vương Thừa Văn (王承文) có bài *Khảo chứng sự tích Cát Hồng ẩn cư cuối đời ở núi La Phù*⁽²⁷⁾; Đinh Hoàng Vũ (丁宏武) có

20. Murakami Yoshimi. *Cuộc nổi loạn của Tôn Ân và Lưu Tuấn* (孫恩。盧循の乱). Tập san *Nghiên cứu Lịch sử Tôn giáo Trung Quốc* (Nhật Bản), số 1, năm 1983, tr. 79.

21. Nguyễn Thế Hùng, Đinh Khắc Thuân. *Vài nét về Đạo quán Việt Nam trong lịch sử*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2, năm 2001, tr. 92-100; Nguyễn Thế Hùng. *Quán Đạo giáo ở Hà Tây*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử. Viện Khảo cổ học, tr.23.

22. Anna Seidel. *Sđd*, tr.110.

23. *Đại Việt Sử kí Toàn thư*, Ngoại kỉ - Sĩ Vương kỉ, tr.190.

24. *Đại Việt sử kí Toàn thư*, Ngoại kỉ - Sĩ Vương kỉ, tr.192.

25. Vương Khả. Bài đã dẫn, tr. 351-381.

26. Phùng Hán Dung. *Khảo cứu về việc Cát Hồng từng đến Đông Dương* (葛洪曾去印支考). Tập san *Văn sử*, số 39. Trung Hoa thư cục, tr. 59-69.

27. Vương Thừa Văn. *Khảo chứng sự tích Cát Hồng cuối đời ẩn cư ở núi La Phù*, trong: *Nghiên cứu Văn hóa Đạo gia - Chuyên đề Đạo giáo và đời sống hiện đại*. Tam Liên thư điểm. Bắc Kinh 2006. tr. 158-184.

bài *Bổ chứng về chuyến đi Phù Nam của Cát Hồng*⁽²⁸⁾. Thảo luận của họ xoay quanh sự kiện Cát Hồng từng ở La Phù hành đạo, tới Giao Chỉ tìm đan sa và đi thăm cả Phù Nam, nhưng chưa đi đến hồi kết. Ngoại trừ Đinh Hoàng Vũ khai thác từ *Đạo tạng* nhiều thông tin thú vị liên quan đến chuyến du hành Phù Nam, đặc biệt mối liên hệ đến hoạt động cầu tiên thuật của Cát Hồng ở Giao Châu thời bấy giờ, cụ thể là khoảng thời gian từ năm 306 đến năm 310⁽²⁹⁾.

Sự phát hiện quả chuông thời Ngô Vương Quyền ở văn chỉ thôn Nhật Tảo, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội do người Việt đương thời đúc tạo và bài minh văn trên đó đã đưa lại một nguồn sử liệu vô cùng quan trọng và quý giá đối với việc tìm hiểu lịch sử, tôn giáo thời Ngô Quyền và thế kỉ X. Hà Văn Tấn cho rằng đó là sử liệu chữ viết sớm nhất của thời kì tự chủ từ thế kỉ X mà ta biết hiện nay. “Bài minh được viết năm Càn Hòa thứ 6 (948) nước Nam Hán, một nước thời Ngũ đại thập quốc, đóng đô ở Quảng Châu”. Thời gian này tương đương với thời Ngô Quyền ở Việt Nam. Thông qua nội dung bài minh văn trên, ông nhận định Đạo giáo đã có một vị trí tương đối bên cạnh Phật giáo vốn đang có bước phát triển trong thế kỉ X⁽³⁰⁾.

Đạo giáo các thời Lý -Trần được đánh giá phát triển nhất trong suốt lịch sử hiện diện của nó ở Việt Nam. Nguyễn Duy Hinh cho rằng đó là thời kì mà Đạo giáo Trung Quốc Đường - Tống phát triển cực thịnh và có ảnh hưởng đến Việt Nam, cho dù có nổ ra mấy cuộc giao tranh, nhưng việc giao lưu qua lại giữa hai nước luôn có tính liên tục. Tư liệu để nghiên cứu lịch sử Đạo giáo Việt

Nam giai đoạn này cũng tương đối phong phú, nhưng việc khai thác tư liệu từ phía Trung Quốc đối với chúng ta là rất cần thiết, một số bài nghiên cứu của người nước ngoài cho thấy điều đó. Nhà Đường có Cao Biền tinh thông Đạo thuật, sau khi đánh bại quân Nam Chiếu (năm Hàm Thông thứ 7), được cử sang Việt Nam làm Tiết độ sứ, hoạt động Đạo giáo của ông này được sử sách ghi chép nhiều (*Tân Đường thư, Toàn thư, Lĩnh Nam trích quái*, v.v...). Nguyễn Duy Hinh, Vương Khả, Murakami Yoshimi đều khảo cứu qua về nhân vật này. Phần lớn các bài nghiên cứu địa lí, phong thủy đều nhắc vai trò Đạo sĩ - thầy phù thủy của Cao Biền khi ông đã để lại nhiều dấu ấn trong lĩnh vực này ở Việt Nam. Có thể coi đây là một nhân vật quan trọng trong việc truyền bá Đạo thuật ở Việt Nam thời bấy giờ. Ngoài ra, qua việc sách *An Nam chí nguyên* dẫn *Giao Châu Bát huyện kí*, chúng ta cũng có được thông tin về tình hình chùa, quán ở Việt Nam đương thời. Có thể thấy, thời bấy giờ, Đạo giáo phù thủy đã tương đối phổ biến ở Việt Nam⁽³¹⁾. Hiện vẫn còn không ít sách vở bằng chữ Hán thác danh Cao Biền viết về bói toán địa lí ở Việt Nam, cũng như không ít địa danh có thần tích liên quan đến nhân vật này. Tuy vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Đạo giáo Việt Nam với Đạo giáo thời Đường vẫn còn chưa

28. Đinh Hoàng Vũ. *Bổ chứng về chuyến đi Phù Nam của Cát Hồng*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo học* (Tứ Xuyên), số 4, năm 2005, tr. 125-132.

29. Đinh Hoàng Vũ. Bài đã dẫn, tr.125.

30. Xem: Hà Văn Tấn. *Qua chuông thời Ngô với một số vấn đề lịch sử và Đạo giáo*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1, năm 1998, tr. 60-70.

31. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, tr.557.

nhiều, dường như chỉ có Onishi Kazuhiko lại là người “thu hoạch” được nhiều nhất, thể hiện qua các tiểu luận *Bàn về tên một số đạo quán ở triều nhà Lý và Đạo quán và Đạo sĩ An Nam đời Đường*⁽³²⁾. Ông khai thác tư liệu từ *Toàn thư*, *Việt Điện U linh*, nhất là cuốn *Quế Hải Ngu hành chí* (桂海虞衡志) của Phạm Thành Đại đời Tống viết vào năm Thuần Hy thứ 2 (1175), từ việc so sánh các tên gọi của Đạo quán của Đại Việt và Đường - Tống để tìm hiểu về tình hình Đạo giáo Việt Nam thời bấy giờ cũng như mối quan hệ Đạo giáo hai nước. Thời Tống, lúc loạn lạc “rất nhiều người Tú tài, Đạo sĩ và người hầu bỏ đất nước chạy trốn (vào An Nam)”⁽³³⁾. Hiện tượng này vốn được Mâu Dung (牟融) đời Hán nói đến trong phần Lời tựa của tác phẩm *Lý hoặc luận* (牟子理惑论): “Thời đó, sau khi vua Hán Linh đế băng hà, thiên hạ loạn lạc, duy có An Nam yên ổn, nhiều dị nhân Phương Bắc đến đó, tu luyện thuật tịch cốc trường sinh, người đương thời theo học rất đông” (是时靈帝崩後，天下擾亂。獨交州差安，北方異人咸來在焉，多為神仙辟穀長生之術，時人多有學者)⁽³⁴⁾. Không nghi ngờ gì, đây cũng chính là một lực lượng quan trọng truyền bá Đạo giáo vào Việt Nam. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) cũng chép: “Nước Nam ta từ thời nhà Lý, có người Đạo sĩ nhà Tống bên Trung Hoa sang dạy dân trong nước múa hát làm trò, trò tuồng ở nước ta bắt đầu từ đây”⁽³⁵⁾. Khảo cứu được thêm những sự kiện tương tự như vậy, sẽ có lợi cho việc nghiên cứu sâu hơn mối quan hệ giữa Đạo giáo Trung Quốc với Đạo giáo Việt Nam, tính kế thừa cũng như đặc thù của Đạo giáo Việt Nam.

Phần lớn các nhận định về Đạo giáo dưới thời nhà Trần là thống nhất. Quý tộc nhà Trần không những sùng bái Phật giáo mà còn đam mê Đạo giáo với xu hướng chính là phù chú cầu tự trấn yểm trong cung, một xu hướng Đạo giáo có đặc trưng phương nam Trung Quốc⁽³⁶⁾. Sự kiện Đạo sĩ Hứa Tông Đạo sang Việt Nam lập đàn chay được bàn rất nhiều. Còn câu chuyện về Đức Thánh Trần với dòng tín ngưỡng *Thanh Đồng*, với danh hiệu “Cửu Thiên Vũ Đế Hưng Đạo Đại Vương” còn vô cùng hấp dẫn và sẽ tốn nhiều giấy mực để bàn⁽³⁷⁾. Ngoài ra, Hà Văn Tấn cũng nêu lên rằng Đạo giáo thời Trần còn hay gắn kết với Mật giáo vì cả hai đều có những điểm chung khi cùng thiên về hoạt động phù chú, cầu đảo. Nguyễn Quốc Tuấn chứng minh điều đó trong luận án tiến sĩ của mình qua nghiên cứu nhân vật Đức Thánh Bối ở chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Tây)⁽³⁸⁾. Nhưng không vì thế mà Đạo giáo chỉ được coi như một công cụ hoạt động tôn giáo có màu sắc thần bí. Nó được đưa vào hệ thống quan chức nhà nước song song với bộ máy Phật giáo. *Toàn thư* cho biết triều đình

32. Onishi Kazuhiko. *Bàn về tên một số Đạo quán ở triều nhà Lý*, trong: *Việt Nam học: Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*. Nxb Thế giới, Hà Nội 2000.

33. Phạm Thành Đại. *Quế Hải ngu hành chí*. Nxb Dân Tộc, Tứ Xuyên 1986.

34. Mâu Tử (Hán). *Lý hoặc luận*, phần Lời tựa.

35. Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút* (Bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến). Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh 1989. tr.45.

36. Nguyễn Duy Hình. *Sđđ*, tr.557.

37. Nguyễn Công Việt. *Vài nét về phù ấn Đạo giáo Việt Nam từ cuối thế kỉ XVIII qua số ấn gỗ mới phát hiện*. Tạp chí *Hán Nôm*, số 4, năm 1998, tr. 42-47; *Về Cửu Thiên Vũ Đế - Hưng Đạo Đại Vương qua hình dấu ấn gỗ*. Tạp chí *Hán Nôm*, số 4, năm 1999, tr.13-6.

38. Xem: Nguyễn Quốc Tuấn. *Di tích chùa Bối Khê (Hà Tây)*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Khảo cổ học, Hà Nội 2001.

đặt các chức Đạo lục, Uy nghi và Đô quan nhằm quản lí Đạo giáo và không coi đó như một công cụ chính trị. Đó là đặc điểm nổi bật của Đạo giáo đời Trần, cũng là điểm khác với Đạo giáo Trung Quốc đương thời.

Dưới các thời Lê - Nguyễn, thời kì có nhiều biến động lớn lao về tư tưởng, chính trị, xã hội, Nho giáo được trọng thị, hoạt động Đạo giáo phù thủy lan tràn trong nhân dân và ảnh hưởng đến cả triều đình, một số ông vua yêu thích Tiên đạo, có chuyện đàn áp Đạo giáo dân gian, tín ngưỡng thần tiên phát triển⁽³⁹⁾. Nguyễn Duy Hình nhận định: “Trong thời kì đầu của nhà Lê, Nho giáo vượt lên chiếm địa vị độc tôn, Đạo giáo hòa nhập dần vào trong Nho giáo tuy Đạo giáo dân gian vẫn phát triển. Tiêu biểu cho xu hướng Phật giáo hóa là (tín ngưỡng) Liễu Hạnh và Nội Đạo Tràng. Tiêu biểu cho xu hướng Nho giáo hóa là Nguyễn Bỉnh Khiêm”⁽⁴⁰⁾. Nhưng hai xu hướng này không hẳn là dễ khái quát như vậy, vì bản chất của

tín ngưỡng Liễu Hạnh và Nội Đạo Tràng đã thực sự thuộc Đạo giáo hay chưa, mối quan hệ của chúng với Phật giáo (đại diện là Phật Quan Âm) đến đâu, Nguyễn Bỉnh Khiêm là Đạo gia Nho giáo hoá, hay là Nho Đạo giáo hoá, v.v... đều là những vấn đề chưa được nghiên cứu thấu đáo. Trần Văn Giàu có nhận xét sâu sắc về tư tưởng thời Nguyễn: “... chế độ phong kiến tiếp tục khủng hoảng... Đạo giáo và Phật giáo chẳng những không bị Nho giáo đánh lùi ra xa, mà trái lại cứ vươn lên. Tư tưởng thần bí của Đạo giáo và Phật giáo liên quan mật thiết đến các phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX”⁽⁴¹⁾.

(Kì sau đang tiếp)

39. Xem: Nguyễn Đăng Duy. *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 2001.

40. Nguyễn Duy Hình. Sđd, tr 599.

41. Trần Văn Giàu. Sđd, tr. 457.